TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÕA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **36** /2020/HNGĐ - ST Ngày: 05 -3 - 2020 V/v Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh

2. Bà Hoàng Thị Thu

Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:

Bà Hồ Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2019 về việc Ly hôn, nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị ĐTLA, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: C9/24A, Tổ 21 Khu phố BT, Phường TG, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh LXM, sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã ĐC, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của chị ĐTLA ngày 25/11/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị ĐTLA trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh LXM xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 25/02/2005 tại UBND xã ĐC, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không chung quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên va chạm cãi nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên xin được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Cháu Đ, sinh ngày 02/01/2005 và cháu Cháu K, sinh ngày 16/11/2015. Hiện nay 02 con đang ở cùng với chị. Khi ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi 02 con. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của anh LXM trình bầy như sau:

Anh và chị ĐTLA tìm hiểu và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND xã ĐC, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, theo anh mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, quan điểm hai bên không thống nhất, thỉnh thoảng có cãi nhau. Do đó vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị A viết đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị A có 02 con chung là Cháu Đ, sinh ngày 02/01/2005 và cháu Cháu K, sinh ngày 16/11/2015. Hiện nay các cháu đều khỏe mạnh bình thường. Cả 02 cháu đang ở cùng với chị A. Khi ly hôn nguyện vọng của anh giao cả 02 con cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng chị A không yêu cầu, nên anh đồng ý với ý kiến chị A.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung. Anh M không yêu cầu tòa án giải quyết

Tại phiên tòa: Chị A và anh M vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Các đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo điều 70,71 BLTTDS. Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị HĐXX: Xử cho chị ĐTLA được ly hôn anh LXM; Về con chung giao cháu Cháu Đ và cháu Cháu K cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh M có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung chị A không được ngăn cấm. Vì quyền lợi của các con hai bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung (*nếu có*) theo quy định. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị A và anh M là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị A và anh M có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh M là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không chung quan điểm trong cuộc sống. Đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Hai bên sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị A và anh M sống ly thân hơn 01 năm nay, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị A xin ly hôn, về phía anh M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị ĐTLA là phù hợp.

Về con chung: Chị A có nguyện vọng nuôi 02 con chung là Cháu Đ, sinh ngày 02/01/2005 và cháu Cháu K, sinh ngày 16/11/2015, anh M cũng đồng ý để chị A trực tiếp nuôi con. HĐXX xét thấy: Nguyện vọng xin nuôi con của Lan Anh chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật, anh M cũng đồng ý. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: Chị A và anh M trình bầy vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị A khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử:*

Về Hôn nhân: Chấp nhận chị ĐTLA được ly hôn anh LXM.

Về con chung: Chị A và anh M có 02 con chung. Giao cháu Cháu Đ, sinh ngày 02/01/2005 và cháu Cháu K, sinh ngày 16/11/2015 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị A không yêu cầu.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị ĐTLA phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* mà chị A đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Theo Biên lai thu số AA/2015/0003456 ngày 25/11/2019. Chấp nhận chị A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị A và anh M trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã ĐC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng